

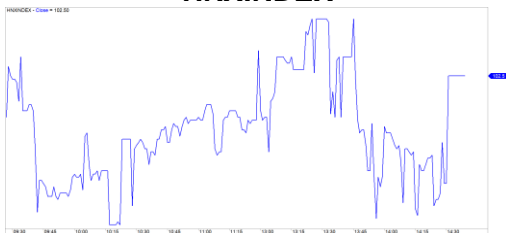
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	970.75	102.50	55.66
% ngày	0.04%	0.16%	-0.07%
% tuần	-0.72%	-0.57%	-1.31%
% tháng	-2.52%	-2.08%	-1.24%
% năm	4.74%	-1.60%	6.44%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,619	266	158
TB 1 tuần	3,869	284	186
TB 1 tháng	4,425	374	236
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	659.87	1.73	6.03
Bán	593.00	8.45	2.88
Giá trị ròng	66.87	-6.72	3.15
Độ rộng TT			
Mã Tăng	152	72	164
Mã Giảm	125	56	113
Không Đổi	111	241	626
Chỉ số chính			
P/E	15.87	9.03	17.09
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,318	186	944
LS Cổ tức	1.64%	5.01%	4.97%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch giằng co khi cung cầu chưa có dấu hiệu thắng thế nhưng VN-Index ghi nhận sự cân bằng hơn khi giữ được sắc xanh cho tới cuối phiên. Cụ thể, chỉ số đóng cửa tăng 0.04%, dừng tại 970.75 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận tăng 0.16% dừng tại 102.5 điểm. Dòng tiền tiếp tục suy yếu khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức gần 3,100 tỷ đồng.

Lực bán có dấu hiệu thuyên giảm khi mức giảm không còn mạnh. Ở chiều giảm đáng chú ý SAB quay đầu giảm -1.7% trong phiên ATC đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại 226,000. Ngoài ra, GAS, VNM, BID cũng bị ép về giá đồ lúc kết phiên nhưng chỉ với mức giảm nhẹ. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu họ Vingroup có phiên hồi phục nổi bật VRE(+2.8%), VHM (+0.3%). Nhóm Ngân hàng cũng giao dịch khởi sắc khi HDB(+1.3%), VPB(+0.5%), MBB(+0.2%), ACB(+0.9%) trong khi đa số mã còn lại giữ ở tham chiếu. Mã HVN có phiên tăng thứ 5 liên tiếp và đồ thị giá đang có xu hướng đi lên ngắn hạn khi tạo đáy sau cao hơn đáy trước. Dòng tiền đầu cơ vẫn tham gia tích cực khi xoay vòng giữa các cổ phiếu khi CLG(+6.9%), YBM(+6.9%), DIC(+6.5%), TNA(+5.6%), HAI(+3.9%), FIT(+5.4%) ...tăng giá tốt.

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 3 liên tiếp với hơn 63 tỷ đồng tính chung cả ba sàn. VRE(53.9 tỷ), ROS(34.1 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất trong khi VIC(87.9 tỷ), SAB(9.5 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động tích lũy trong các phiên giao dịch đầu tuần tới. Đồng thời, chúng tôi đánh giá thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật ngắn hạn và nhịp hồi phục này có thể sẽ còn tiếp tục diễn ra trong vài phiên tới. Điểm tích cực là rủi ro ngắn hạn đã có chiều hướng giảm dần cho thấy tốc độ của đà giảm sẽ giảm dần. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là đứng ngoài thị trường, nhưng nếu tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm ở mức thấp trong vài phiên tới thì cơ hội bắt đáy có chiều hướng gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 991.02 điểm của chỉ số VN-Index và 105.26 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng các nhịp hồi phục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và tiếp tục đứng ngoài thị trường.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 27% cổ phiếu/73% tiền.

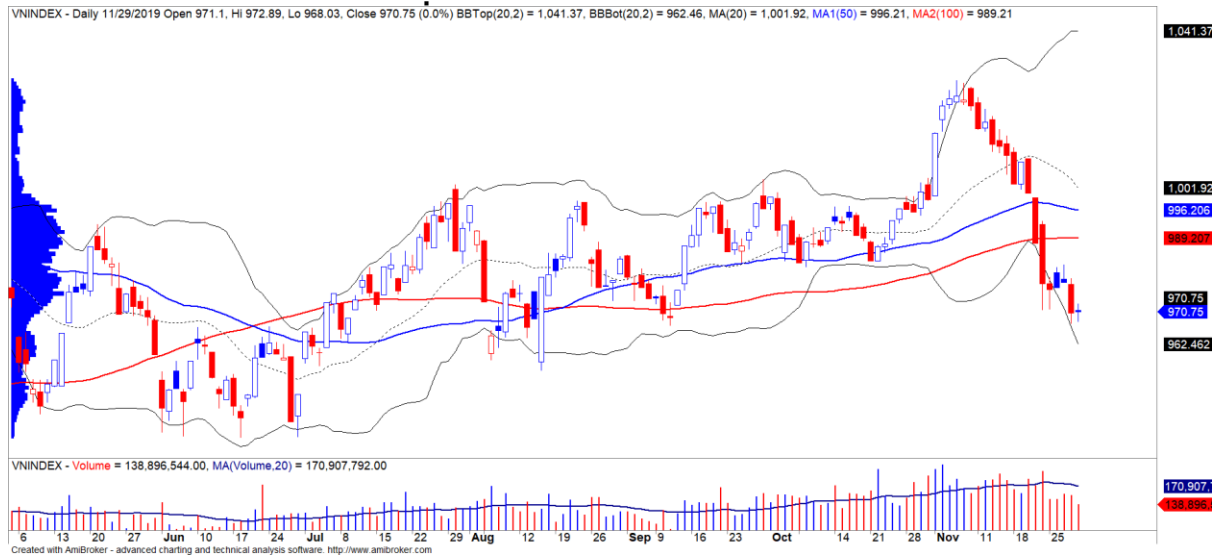
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 40% cổ phiếu/60% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

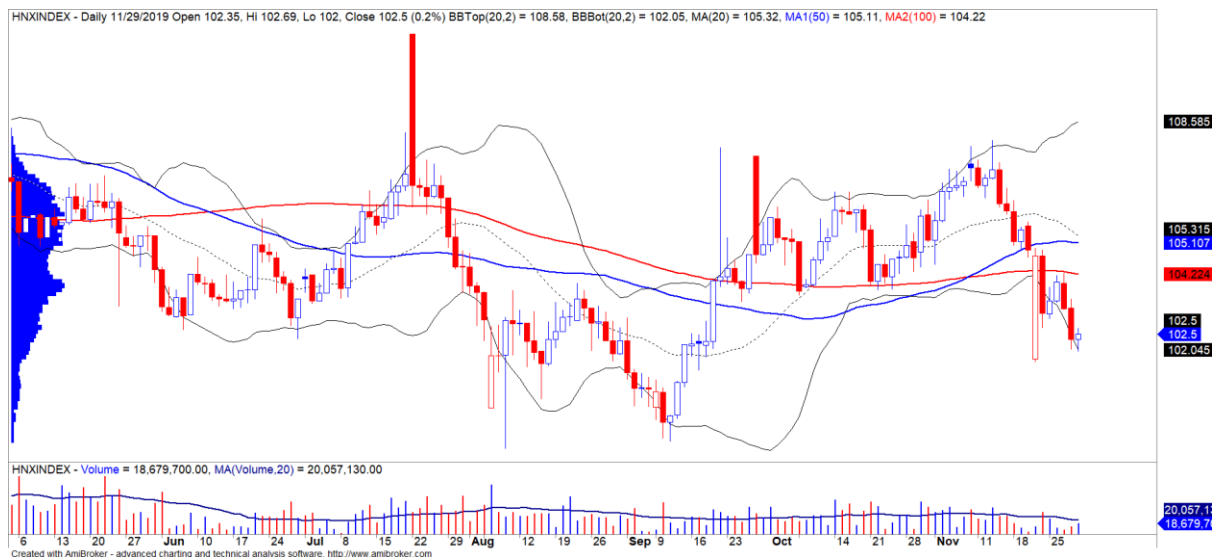


We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.10	GIẢM	GIẢM		14.78				16.24		
ACB	23.10	GIẢM	TĂNG		24.10			24.00	22.57	-3.75%	
ACV	74.60	GIẢM	GIẢM		76.62				82.57		
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.65				27.58		
ASM	6.35	GIẢM	GIẢM	6.70	6.45	-3.68%	BÁN		7.26		
BFC	14.70	GIẢM	GIẢM		14.98				16.18		
BID	40.50	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	21.26%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG		54.03			48.30	48.32	7.87%	
BSR	9.40	GIẢM	GIẢM		10.04				10.51		
BVH	70.30	GIẢM	GIẢM		72.93				75.79		
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.53				10.17		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.59			24.45	22.23	-1.84%	
CMG	37.80	GIẢM	TĂNG		39.22			23.20	34.96	62.93%	
CMX	14.95	GIẢM	GIẢM		15.68				21.36		
CSM	14.40	GIẢM	TĂNG		14.81			14.39	14.22	0.07%	
CTD	63.50	GIẢM	GIẢM		69.80				80.38		
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		21.49			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
CTR	45.70	GIẢM	N/A		49.16			-	N/A		
CVT	20.70	GIẢM	GIẢM		21.78			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.03				7.49		
DGC	26.90	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-1.10%			28.91		
DGW	23.60	GIẢM	GIẢM		25.18			23.50	24.07	2.42%	BÁN
DHA	30.90	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-2.98%			32.52		
DHC	39.70	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	20.30%		37.70	35.13	5.31%	
DHG	93.20	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.10	GIẢM	GIẢM		13.81				15.08		
DPG	45.65	GIẢM	GIẢM		48.48				50.61		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.75				15.14		
DPR	41.30	TĂNG	TĂNG	37.60	39.81	9.84%		41.30	40.40	0.00%	MUA
DQC	16.10	GIẢM	GIẢM		16.89				18.58		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	5.56%	
DXG	14.15	GIẢM	GIẢM		15.12			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
EIB	17.10	GIẢM	TĂNG		18.11			18.40	16.46	-7.07%	



We Create Fortune

FCN	9.92	GIẢM	GIẢM		10.67				12.09		
FMC	27.20	GIẢM	TĂNG		27.43			31.60	26.18	-13.92%	
FPT	56.40	GIẢM	TĂNG		58.65			46.00	54.99	22.61%	
GAS	100.50	GIẢM	GIẢM		105.00				109.55		
GEX	20.15	GIẢM	GIẢM		20.94				22.44		
GIL	18.50	GIẢM	GIẢM		19.39				21.85		
GMD	23.75	GIẢM	GIẢM		24.76				26.54		
GTN	21.00	GIẢM	TĂNG		21.10			15.00	18.98	40.00%	
GVR	13.60	GIẢM	N/A	14.50	13.69	-5.58%	BÁN		N/A		
HAG	3.85	GIẢM	GIẢM		4.11				4.55		
HAX	17.40	GIẢM	GIẢM		18.56				21.20		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	23.40	GIẢM	TĂNG		24.91			23.40	22.58	0.00%	
HDB	26.50	GIẢM	GIẢM		27.76			28.00	27.29	-2.55%	BÁN
HDC	22.45	GIẢM	TĂNG		23.45			15.25	20.25	47.21%	
HDG	33.40	GIẢM	TĂNG		34.77			35.30	32.61	-5.38%	
HNG	14.60	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	22.85	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HSG	7.78	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	0.39%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-13.02%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	34.95	TĂNG	GIẢM	34.95	34.61	0.00%	MUA		36.93		
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	14.90	15.09	3.02%		15.35	13.91	0.00%	
KDH	26.40	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.00%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02				20.16		
LCG	8.34	GIẢM	GIẢM		8.84				9.32		
LDG	8.68	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LHG	15.40	GIẢM	GIẢM		16.13				16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBB	22.15	GIẢM	TĂNG		23.04			21.85	21.83	1.37%	
MPC	19.00	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
MSN	70.00	GIẢM	GIẢM		72.52				78.75		
MSR	14.60	GIẢM	GIẢM		15.56				17.20		
MWG	109.00	GIẢM	GIẢM		115.87				127.09		
NDN	16.40	GIẢM	TĂNG		16.95			13.70	16.27	19.71%	
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	27.60	GIẢM	TĂNG		28.45			28.70	26.73	-3.83%	
NT2	22.60	GIẢM	GIẢM		23.16				24.51		
NTL	23.30	TĂNG	GIẢM	23.40	22.18	-0.43%			24.88		



We Create Fortune

NVL	56.80	GIẢM	GIẢM		58.87			62.41		
OIL	9.40	GIẢM	GIẢM		9.98			11.12		
PAC	26.70	GIẢM	GIẢM		27.15			29.55		
PC1	18.20	GIẢM	GIẢM		19.27		19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.30		29.00	25.01	-10.69%	
PHR	56.80	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-5.02%		65.37		
PLX	57.60	GIẢM	GIẢM		60.11			61.98		
PNJ	81.20	GIẢM	TĂNG		84.55		104.00	78.71	-21.92%	
POW	12.80	GIẢM	GIẢM		13.55			13.98		
PVT	17.40	GIẢM	TĂNG		17.78		18.30	16.28	-4.92%	
PPC	27.80	TĂNG	GIẢM	28.30	26.74	-1.77%		28.36		
PTB	73.50	GIẢM	TĂNG		74.81		64.00	68.51	14.84%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.67		20.10	18.62	-5.47%	
PVD	15.45	GIẢM	GIẢM		16.04			18.05		
PVI	31.70	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-4.52%		34.84		
PVS	17.40	GIẢM	GIẢM		18.38			20.66		
PXS	5.93	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	24.58%	6.20	4.83	-4.35%	
QNS	29.70	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.02%	33.80	28.38	-12.13%	
REE	36.15	GIẢM	TĂNG		37.46		33.33	35.23	8.48%	
SAB	226.00	GIẢM	GIẢM		244.04			269.11		
SAM	8.09	GIẢM	TĂNG		8.14		7.40	7.58	9.32%	
SCR	5.70	GIẢM	GIẢM		5.84			6.17		
SHI	8.95	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	28.04%	
SJS	16.70	TĂNG	GIẢM	15.30	16.15	9.15%		16.88		
SKG	11.15	GIẢM	GIẢM		11.33			11.70		
SSI	19.80	GIẢM	GIẢM		20.55			22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.49			11.09		
TCB	22.90	GIẢM	GIẢM		24.04		22.65	23.03	1.69%	BÁN
TCM	19.95	GIẢM	GIẢM		20.58			22.91		
TDH	9.82	GIẢM	GIẢM		10.21			11.30		
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%		4.43		
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.43	1.32%		16.69		
VCB	85.30	GIẢM	TĂNG		88.36		62.00	84.02	37.58%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%	19.20	25.21	41.15%	
VCS	80.50	GIẢM	GIẢM		86.55			99.68		
VGC	18.35	GIẢM	GIẢM		18.87			19.90		
VGT	8.20	GIẢM	GIẢM		8.50			9.29		
VHC	76.10	TĂNG	GIẢM	78.40	74.69	-2.93%		85.35		
VHM	91.90	GIẢM	TĂNG		96.19		90.20	89.66	1.88%	



We Create Fortune

VIB	17.10	GIẢM	TĂNG		17.78			17.70	16.56	-3.39%	
VIC	115.70	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	3.30%	
VIP	5.04	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.14%			5.30		
VJC	144.90	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.95%		124.50	137.02	16.39%	
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%			14.88		
VNG	21.30	TĂNG	GIẢM	21.30	21.25	0.00%	MUA		22.34		
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		125.73				132.88		
VPB	20.15	GIẢM	GIẢM		20.99				22.57		
VPI	42.00	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	1.69%	
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	16.05	20.76	43.30%		17.30	16.55	32.95%	
VRE	34.45	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-1.71%	
VSC	24.20	TĂNG	GIẢM	26.30	23.89	-7.98%			27.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.10	GIẢM	TĂNG		24.10			24.00	22.57	-3.75%	
BID	40.50	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	21.26%	
BSR	9.40	GIẢM	GIẢM		10.04				10.51		
BVH	70.30	GIẢM	GIẢM		72.93				75.79		
CTG	20.45	GIẢM	GIẢM		21.49			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
FPT	56.40	GIẢM	TĂNG		58.65			40.23	54.99	40.21%	
GAS	100.50	GIẢM	GIẢM		105.00				109.55		
GEX	20.15	GIẢM	GIẢM		20.94				22.44		
GVR	13.60	GIẢM	N/A	14.50	13.69	-5.58%	BÁN		N/A		
HDB	26.50	GIẢM	GIẢM		27.76			28.00	27.29	-2.55%	BÁN
HNG	14.60	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	22.85	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HVN	34.95	TĂNG	GIẢM	34.95	34.61	0.00%	MUA		36.93		
KDH	26.40	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.00%	
MBB	22.15	GIẢM	TĂNG		23.04			19.72	21.83	12.33%	
MSN	70.00	GIẢM	GIẢM		72.52				78.75		
MWG	109.00	GIẢM	GIẢM		115.87				127.09		
NVL	56.80	GIẢM	GIẢM		58.87				62.41		
OIL	9.40	GIẢM	GIẢM		9.98				11.12		
PLX	57.60	GIẢM	GIẢM		60.11				61.98		
PNJ	81.20	GIẢM	TĂNG		84.55			77.07	78.71	5.36%	

We Create Fortune

POW	12.80	GIẢM	GIẢM		13.55				13.98		
QNS	29.70	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.02%		33.26	28.38	-10.69%	
REE	36.15	GIẢM	TĂNG		37.46			33.33	35.23	8.48%	
ROS	24.30	GIẢM	GIẢM		25.91				27.61		
SBT	18.70	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.86%	
SSI	19.80	GIẢM	GIẢM		20.55				22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.49				11.09		
TCB	22.90	GIẢM	GIẢM		24.04			22.65	23.03	1.69%	BÁN
TPB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.29				23.94		
VCB	85.30	GIẢM	TĂNG		88.36			62.00	84.02	37.58%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		18.44	25.21	46.95%	
VCS	80.50	GIẢM	GIẢM		86.55				99.68		
VEA	46.80	GIẢM	GIẢM		50.34				59.45		
VGI	26.90	GIẢM	N/A		28.64				N/A		
VHM	91.90	GIẢM	TĂNG		96.19			89.13	89.66	3.11%	
VIB	17.10	GIẢM	TĂNG		17.78			15.00	16.56	13.97%	
VIC	115.70	GIẢM	TĂNG		118.10			112.00	113.76	3.30%	
VJC	144.90	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.95%		124.50	137.02	16.39%	
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		125.73				132.88		
VPB	20.15	GIẢM	GIẢM		20.99				22.57		
VRE	34.45	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-1.71%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.10	GIẢM	GIẢM		14.78				16.24		
ANV	24.60	GIẢM	GIẢM		25.65				27.58		
ASM	6.35	GIẢM	GIẢM	6.70	6.45	-3.68%	BÁN		7.26		
BMI	26.05	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-2.43%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG		54.03			48.30	48.32	7.87%	
BWE	24.30	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.53				10.17		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.59			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.10	GIẢM	GIẢM		24.56				25.39		
CTI	22.80	GIẢM	TĂNG		23.78			25.05	22.66	-8.98%	
CTR	45.70	GIẢM	GIẢM		49.16				53.42		
D2D	81.60	GIẢM	TĂNG		85.73			83.10	73.17	-1.81%	



We Create Fortune

DBD	58.70	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	51.87%	
DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.03				7.49		
DGW	23.60	GIẢM	GIẢM		25.18			23.04	24.07	4.47%	BÁN
DHC	39.70	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	20.30%		37.70	35.13	5.31%	
DIG	13.10	GIẢM	GIẢM		13.81				15.08		
DPG	45.65	GIẢM	GIẢM		48.48				50.61		
DPM	12.95	GIẢM	GIẢM		13.75				15.14		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	5.56%	
DXG	14.15	GIẢM	GIẢM		15.12			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
E1VFN30	14.75	GIẢM	GIẢM		15.23			15.26	14.84	-2.74%	BÁN
FCN	9.92	GIẢM	GIẢM		10.67				12.09		
FLC	4.65	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	0.87%		4.63	4.02	0.43%	
GEG	27.70	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-1.42%		12.50	25.77	121.56%	
GMD	23.75	GIẢM	GIẢM		24.76				26.54		
GTN	21.00	GIẢM	TĂNG		21.10			15.00	18.98	40.00%	
HAG	3.85	GIẢM	GIẢM		4.11				4.55		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	23.40	GIẢM	TĂNG		24.91			23.40	22.58	0.00%	
HDC	22.45	GIẢM	TĂNG		23.45			15.25	20.25	47.21%	
HDG	33.40	GIẢM	TĂNG		34.77			35.30	32.61	-5.38%	
HPX	26.00	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-5.45%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.78	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	0.39%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-13.02%	
HTM	14.90	TĂNG	GIẢM	16.00	14.84	-6.88%			18.47		
IBC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.11				21.22		
IDI	5.23	GIẢM	TĂNG		5.51			7.53	5.22	-30.54%	
IJC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.92			13.10	13.74	14.50%	
ITA	3.10	GIẢM	TĂNG		3.15			3.20	2.96	-3.13%	
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	14.90	15.09	3.02%		14.85	13.91	3.39%	
KDC	19.60	GIẢM	TĂNG		20.26			21.90	18.08	-10.50%	
KOS	27.90	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.10%		26.30	25.20	6.08%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02				20.16		
LDG	8.68	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBG	33.00	GIẢM	GIẢM	45.10	33.75	-25.17%	BÁN		56.66		
MBS	15.30	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	4.08%			15.75		
MPC	19.00	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
NBB	20.75	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-0.48%			22.02		

We Create Fortune

NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45		
NLG	27.60	GIẢM	TĂNG		28.45		26.28	26.73	5.02%	
NT2	22.60	GIẢM	GIẢM		23.16			24.51		
NTL	23.30	TĂNG	GIẢM	23.40	22.18	-0.43%		24.88		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%	8.50	8.20	7.06%	
OGC	3.77	GIẢM	GIẢM		3.95			4.27		
PC1	18.20	GIẢM	GIẢM		19.27		19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.30		23.59	25.01	9.77%	
PHR	56.80	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-5.02%		65.37		
PPC	27.80	TĂNG	GIẢM	28.30	26.74	-1.77%		28.36		
PTB	73.50	GIẢM	TĂNG		74.81		60.78	68.51	20.93%	
PVD	15.45	GIẢM	GIẢM		16.04			18.05		
PVI	31.70	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-4.52%		34.84		
PVS	17.40	GIẢM	GIẢM		18.38			20.66		
PVT	17.40	GIẢM	TĂNG		17.78		17.31	16.28	0.55%	
QCG	4.35	GIẢM	GIẢM		4.55			5.06		
SCR	5.70	GIẢM	GIẢM		5.84			6.17		
SGP	7.90	GIẢM	GIẢM		8.36			10.69		
SHB	6.00	GIẢM	GIẢM		6.62			6.86		
SHS	8.00	GIẢM	TĂNG		8.47		8.40	7.36	-4.76%	
SZC	17.10	GIẢM	#N/A	18.15	17.25	-4.98%	BÁN	#N/A		
TCH	28.65	TĂNG	TĂNG	23.30	26.16	22.96%		26.15	22.98	9.56%
TCM	19.95	GIẢM	GIẢM		20.58			22.91		
TDH	9.82	GIẢM	GIẢM		10.21			11.30		
TNG	15.30	TĂNG	GIẢM	15.10	14.43	1.32%		16.69		
TTB	7.32	GIẢM	GIẢM		9.62			14.61		
VGC	18.35	GIẢM	GIẢM		18.87			19.90		
VGT	8.20	GIẢM	GIẢM		8.50			9.29		
VHC	76.10	TĂNG	GIẢM	78.40	74.69	-2.93%		85.35		
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%		14.88		
VNG	21.30	TĂNG	GIẢM	21.30	21.25	0.00%	MUA	22.34		
VPI	42.00	GIẢM	TĂNG		42.10		41.30	39.68	1.69%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.50	GIẢM	GIẢM		9.01				9.89		

We Create Fortune

AGR	3.76	GIẢM	GIẢM		3.99			4.55		
AMD	1.76	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	-0.56%	1.70	1.47	3.53%	
APG	9.69	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	10.62%	9.90	8.56	-2.12%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%		2.25		
BCG	8.25	GIẢM	TĂNG		9.12		6.39	7.47	29.11%	
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.19			7.52		
C69	10.60	GIẢM	GIẢM		12.81			19.39		
CCL	7.88	TĂNG	TĂNG	6.80	6.85	15.88%	7.88	7.83	0.00%	MUA
CVT	20.70	GIẢM	GIẢM		21.78		20.35	21.01	3.25%	BÁN
DAH	9.60	GIẢM	GIẢM		9.97			11.27		
DLG	1.51	GIẢM	GIẢM		1.65			1.65		
DRH	4.60	GIẢM	GIẢM		4.94			6.06		
DTD	11.30	GIẢM	GIẢM		12.22			14.33		
EVG	2.68	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.60%		2.90		
FIT	5.06	TĂNG	TĂNG	4.49	4.40	12.69%	3.64	3.79	39.01%	
FTM	2.90	TĂNG	GIẢM	3.06	2.72	-5.23%		5.42		
FUES SV50	12.87	GIẢM	GIẢM		13.10			13.68		
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	1.33%		15.51		
HAH	12.60	GIẢM	GIẢM		13.03			14.24		
HAI	2.39	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	41.42%	1.88	1.86	27.13%	
HAR	3.76	GIẢM	TĂNG		4.01		3.90	3.28	-3.59%	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09			12.03		
HHP	11.80	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-3.28%		13.51		
HHS	3.26	TĂNG	TĂNG	3.29	3.04	-0.91%	3.36	2.94	-2.98%	
HID	2.17	GIẢM	TĂNG		2.48		2.63	2.16	-17.49%	
HII	10.20	GIẢM	GIẢM		10.64			11.61		
HQC	1.02	GIẢM	GIẢM		1.08			1.18		
HSL	7.59	GIẢM	GIẢM		7.84			8.88		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%		2.71		
HVG	8.50	TĂNG	TĂNG	7.82	7.73	8.70%	3.90	6.00	117.95%	
HVH	18.05	TĂNG	GIẢM	18.20	17.34	-0.82%		20.24		
IDJ	6.70	GIẢM	TĂNG		7.77		7.20	5.42	-6.94%	
JVC	4.20	TĂNG	GIẢM	4.35	4.08	-3.45%		4.75		
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%		1.48		
LCG	8.34	GIẢM	GIẢM		8.84			9.32		
LGL	9.19	GIẢM	TĂNG		9.39		7.11	8.39	29.20%	
LHG	15.40	GIẢM	GIẢM		16.13			16.89		
LMH	12.60	GIẢM	#N/A		12.79			#N/A		

We Create Fortune

MST	4.70	TĂNG	TĂNG	3.80	4.03	23.68%		3.40	3.40	38.24%	
NDN	16.40	GIẢM	TĂNG		16.95			13.10	16.27	25.15%	
PHC	11.40	GIẢM	TĂNG		11.93			14.20	11.21	-19.72%	
PLP	9.68	GIẢM	GIẢM		10.33				11.73		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.67			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.68			6.70	6.66	8.96%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.38				1.50		
PXL	8.60	TĂNG	TĂNG	5.50	7.67	56.36%		6.70	5.73	28.36%	
SHI	8.95	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.24%	
SJF	2.19	GIẢM	GIẢM		2.41				2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.26				2.86		
TDC	8.35	GIẢM	GIẢM		8.69			7.05	8.48	20.20%	BÁN
TIG	6.50	TĂNG	TĂNG	6.20	5.67	4.84%		3.20	4.54	103.13%	
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNA	23.45	TĂNG	TĂNG	13.70	20.79	71.17%		11.45	17.76	104.78%	
TNI	10.90	TĂNG	TĂNG	10.20	10.23	6.86%		10.90	10.89	0.00%	MUA
TSC	2.74	GIẢM	GIẢM		2.89				4.10		
TTF	2.79	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-5.42%			3.21		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-10.34%			3.15		
TVC	17.40	TĂNG	TĂNG	16.90	15.28	2.96%		14.30	14.38	21.68%	
VC3	17.40	TĂNG	TĂNG	16.50	17.06	5.45%		22.00	16.32	-20.91%	
VCR	13.70	GIẢM	GIẢM		14.33				20.06		
VNA	4.00	GIẢM	TĂNG		4.41			4.70	3.92	-14.89%	
VNE	3.52	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	23.00	TĂNG	TĂNG	16.05	20.76	43.30%		17.30	16.55	32.95%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	970.75	0.04%	HNI	102.5	0.16%	UPCoM	55.66	-0.07%
VN30	887.47	0.20%	HN30	181.11	-0.24%			
VN Mid	950.38	0.32%	VNX	858.62	0.25%			
VN Small	784.96	0.42%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	659.87		Mua	1.73		Mua	6.03	
Bán	593		Bán	8.45		Bán	2.88	
GT rỗng	66.87		GT rỗng	-6.72		GT rỗng	3.15	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNA	1250	5.63%	AMV	1000	4.41%	PXL	200	2.38%
FIT	260	5.42%	TVC	500	2.96%	VGT	100	1.23%
CII	850	3.67%	TIG	100	1.56%	VGI	200	0.75%
FTS	400	3.17%	NVB	100	1.11%	ACV	0	0.00%
VNG	600	2.90%	ACB	200	0.87%	PRT	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PGD	-2500	-6.94%	MBG	-3600	-9.84%	HTM	-1400	-8.59%
HAX	-600	-3.33%	SHB	-200	-3.23%	MPC	-800	-4.04%
FRT	-900	-3.24%	TAR	-900	-2.77%	VEA	-1100	-2.30%
VHC	-2300	-2.93%	TNG	-200	-1.29%	OIL	-200	-2.08%
SJS	-500	-2.91%	L14	-500	-0.75%	CTR	-700	-1.51%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,125		ACB	38,266		ACV	162,330	
VCB	316,367		VCS	12,880		VGI	81,078	
VHM	307,820		VCG	11,970		VEA	62,363	
VNM	211,577		PVS	8,317		GVR	54,500	
GAS	192,352		PVI	7,326		MCH	49,554	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	28,446,670	29,607,031	SHB	5,891,797	3,117,562	OIL	2,948,600	304,006
HPG	6,641,320	7,116,100	MST	1,499,758	468,131	PRT	1,400,000	122,739
FLC	5,694,220	12,443,006	GKM	1,290,000	259,622	MVY	1,005,500	45,935
VRE	5,511,720	5,732,291	AMV	1,259,421	584,803	KSH	883,022	165,137
SBT	5,256,420	3,750,644	HBE	1,186,323	61,184	BSR	638,900	2,243,942

Nguồn: Bloomberg & YSVN

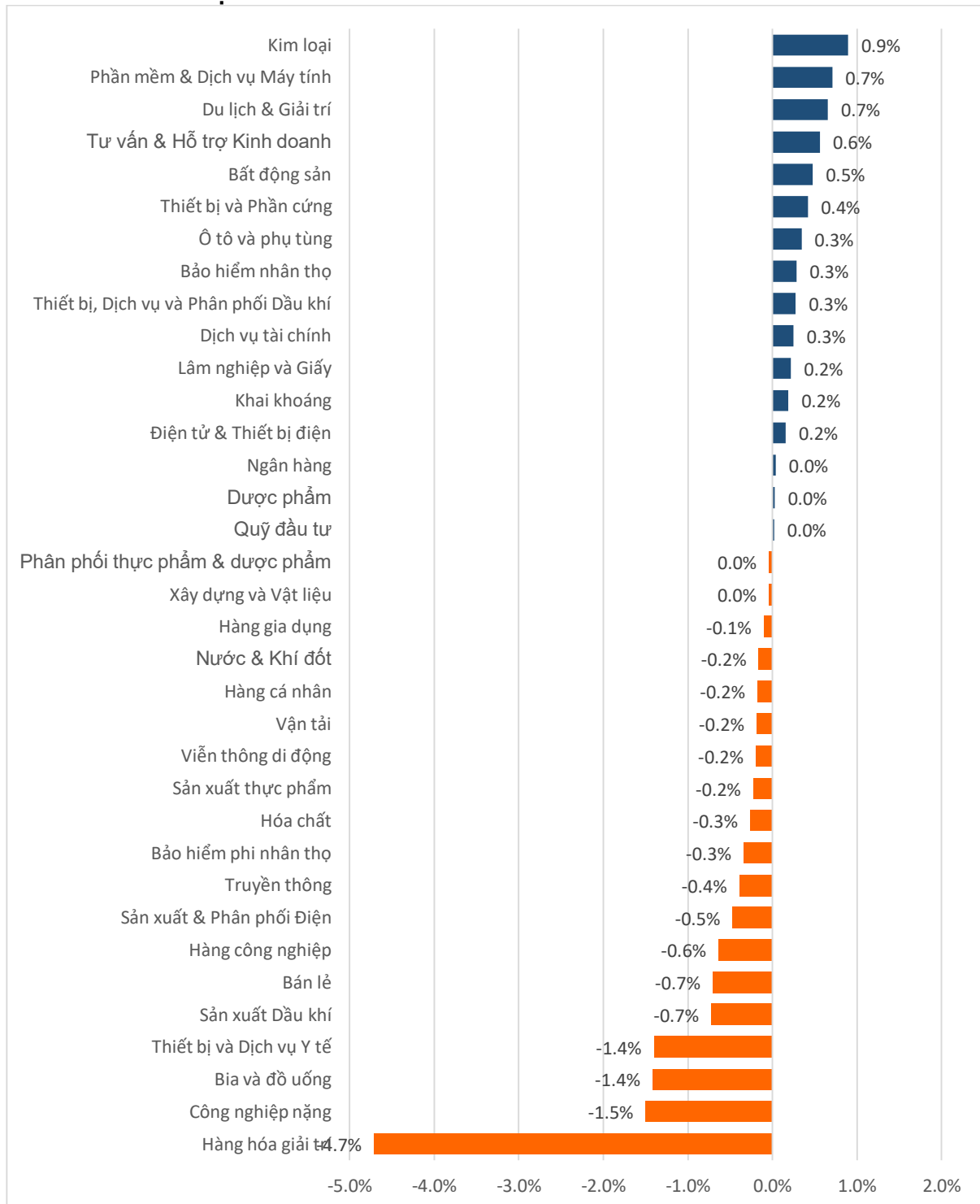
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



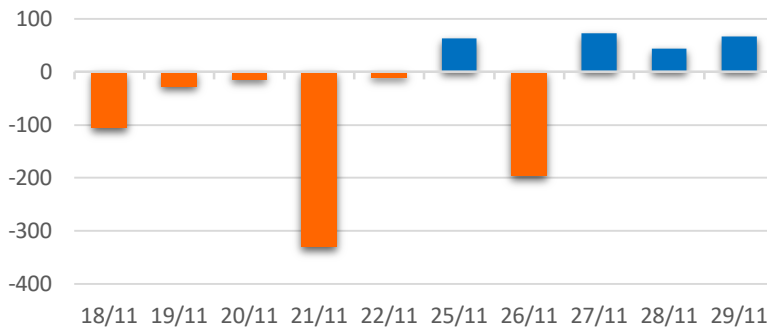
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

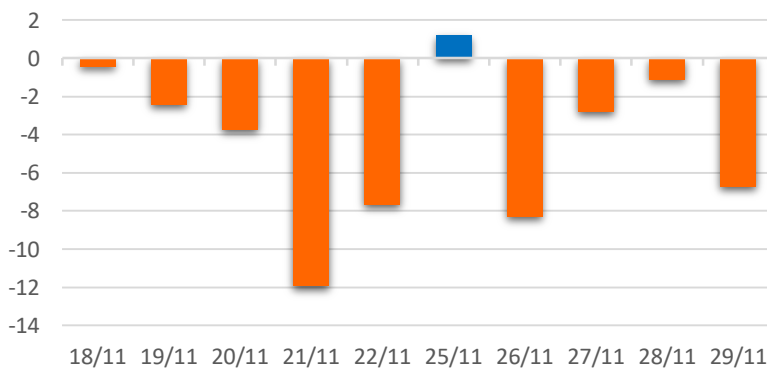
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	53,923	VIC	87,968
ROS	34,157	SAB	9,584
HPG	30,510	DXG	6,871
KDH	16,246	STB	5,417
VCB	7,698	SSI	4,384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

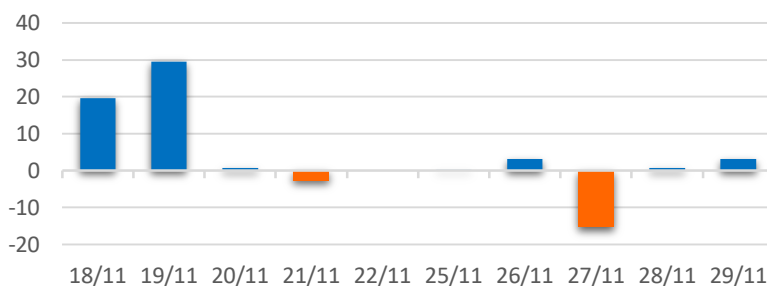
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	312	PVS	6,118
SVN	295	TIG	522
SHS	160	PVG	284
NVB	107	AMV	207
CDN	68	IVS	192

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

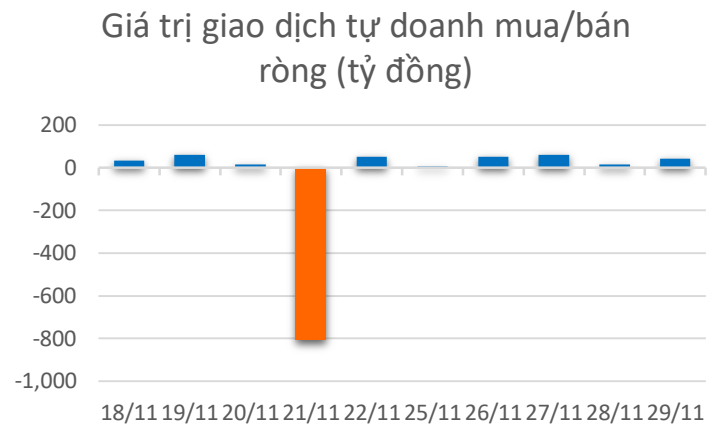


We Create **Fortune**

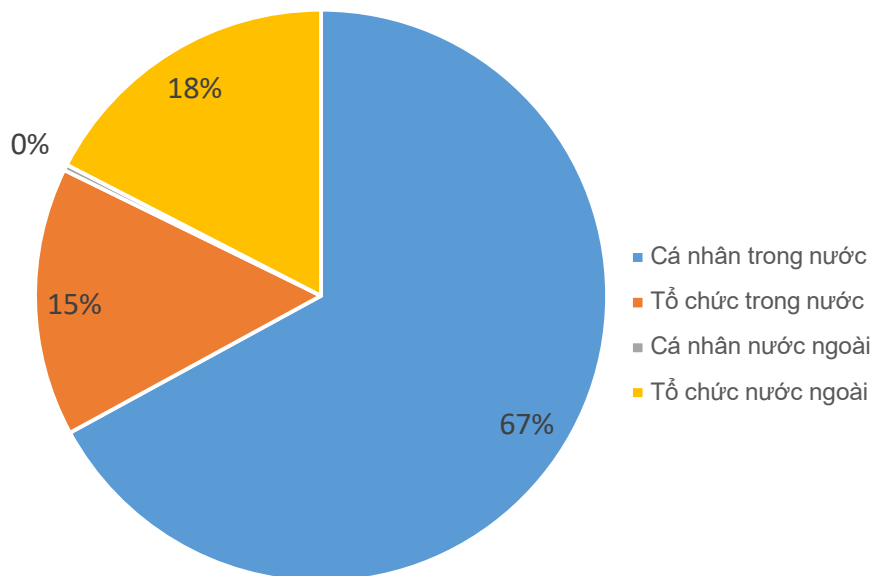
THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	32,902	KDH	16,034
TCB	25,238	HPG	15,806
MWG	9,857	MWG	7,341
VRC	5,684	E1VFN30	2,950
KDH	5,020	MBB	2,776

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

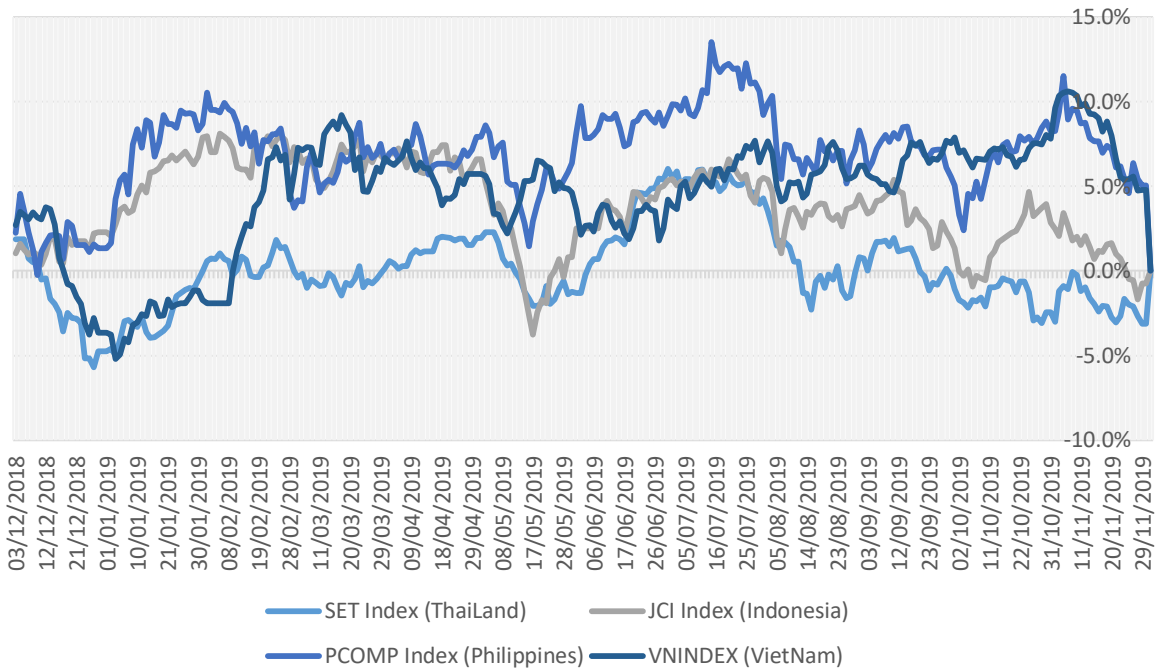


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

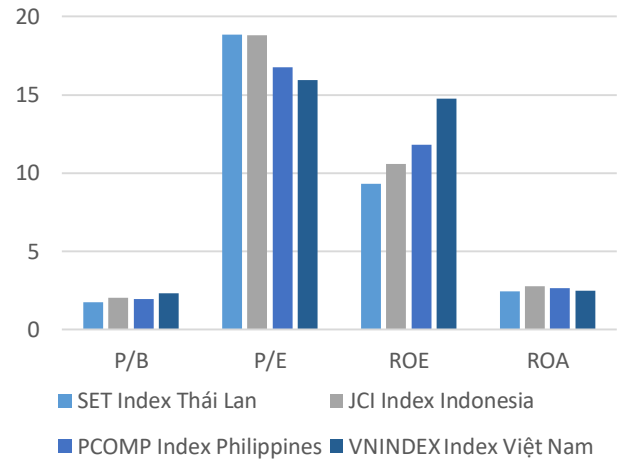
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.0x	1.9x	2.3x
P/E		18.8x	18.8x	16.8x	15.9x
ROE	%	9.29	10.59	11.79	14.75
ROA	%	2.44	2.78	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	551.40	492.21	189.90	142.67
GTGD	Triệu USD	1.45	0.32	0.06	0.12
LS cổ tức	%	3.16	2.51	1.61	2.07

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written